

CHUỖI TỪ TRONG CÁCH VẬN DỤNG CỦA SINH VIÊN HÀN QUỐC

Nguyễn Thị Ngọc Hân¹

Tóm tắt

Với sinh viên Hàn Quốc học tiếng Việt, việc xây dựng, vận dụng những chuỗi từ như danh ngữ, động ngữ vào trong câu đôi khi có những nhầm lẫn trong việc xác định chức năng ngữ pháp, quan hệ tuyến tính, quan hệ lựa chọn và tính ràng buộc giữa các thành tố trong cấu trúc. Trong cương vị của cái lựa chọn, vị trí đứng trước được dành cho trung tâm - đơn vị chi phối và có quyền lựa chọn yếu tố phụ thuộc. Một khi ngữ đoạn được mở rộng, có hai yêu cầu được đặt ra: (1) xác định lại vị trí của định tố/bổ tố, vốn đã từng chiếm vị trí liền kề trung tâm trong ngữ đoạn đã được xây dựng; (2) xem xét lại quan hệ cú pháp giữa hai thành tố chính-phụ, khi có sự hiện diện của yếu tố gây gián đoạn quan hệ liền kề.

Từ khóa: chuỗi từ, quan hệ tuyến tính, quan hệ lựa chọn, phụ thuộc, liền kề

1. Đặt vấn đề

Bàn về chuỗi từ (word sequences), Moravcsik (2006) cho rằng đó là những đơn vị cú pháp, có thể hiện diện trong những thành phần khác nhau của câu như một đơn vị có chức năng cụ thể. Do vậy có thể bắt gặp chuỗi từ hoạt động với tư cách là bổ ngữ hoặc chủ ngữ câu. Còn với Cheryl A. Black (1999) khi giới thiệu về X-bar Theory, tác giả đã cụ thể hóa sự hiện diện của chuỗi từ qua định nghĩa về ngữ đoạn, đơn vị có nghĩa, tập hợp các từ được đặc trưng hóa để trở nên cùng loại với thành phần chính/trung tâm (head). Như vậy những đơn vị thuộc phạm trù từ vựng, ngữ pháp như danh từ, động từ, tính từ, giới từ, theo thuật ngữ cấu trúc (structural term) được gọi là trung tâm. Trung tâm có khả năng kết hợp với một/những đơn vị khác để tạo nên tổ hợp với tên gọi ngữ đoạn danh từ, ngữ đoạn động từ, ngữ đoạn tính từ hoặc giới ngữ. Những chuỗi như vậy không phải là những đơn vị độc lập, hoạt động tách rời phạm vi của đơn vị mà nó gắn kết. Với tư

¹ TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

cách là thành tố của câu, cấu trúc được tạo nên từ mối quan hệ cú pháp giữa các yếu tố trong tổ hợp cũng phải tuân theo những quy tắc về âm vị (phonological rules), hình thái (morphological rules), cú pháp (syntactic rules), từ vựng (lexical rules) và ngữ nghĩa (semantic rules). Vi phạm một trong những quy tắc vừa nêu có nghĩa là việc lựa chọn và sắp xếp các yếu tố theo trật tự nhất định cả về ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa sẽ làm cho chỉnh thể không bảo toàn được tính trọn vẹn theo quy chuẩn. Tuy vậy với người học ngôn ngữ thứ hai (L2), như trường hợp của sinh viên Hàn Quốc học tiếng Việt chẳng hạn, từ những tiếp thu ban đầu về ngữ pháp tiếng Việt chuyển sang bước vận dụng vào thực tế giao tiếp, đôi khi cũng có những nhầm lẫn. Cụ thể là nhầm lẫn trong cách vận dụng chuỗi từ khi viết câu. Minh họa cho điều này có thể quan sát các câu sau:

- (1) **Thứ nhất thuận lợi** là lớp em có nhiều người Hàn Quốc.
- (2) Hàn Quốc có nhiều **tập đoàn khổng lồ kinh tế**.
- (3) Tôi đã **học tiếng Việt xong năm thứ nhất**.
- (4) Nhiều người **vi phạm đèn tín hiệu** và luật giao thông.

Trong những câu vừa nêu, như trên đã nói, tùy vào quan hệ giữa trung tâm với yếu tố phụ thuộc (dependent), những chuỗi từ đang bàn được gọi là ngữ đoạn danh từ (câu 1, 2), ngữ đoạn động từ (câu 3, 4). Nhưng vấn đề sắp được thảo luận dưới đây không phải là việc định danh cho từng chuỗi từ mà là miêu tả mối quan hệ cú pháp giữa các yếu tố trong chuỗi, để từ đó có thể xác định được vì sao chuỗi từ lại gây ảnh hưởng đến chỉnh thể, dẫn đến kết quả là những đơn vị mà chúng tham gia với tư cách là thành tố không thể trở thành câu đúng ngữ pháp. Xem xét vấn đề trên cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa bộ phận - toàn thể (partonomy), giữa trung tâm và phần phụ thuộc (head - dependent) ta có thể miêu tả và phân tích nguyên nhân làm cho cấu trúc của những chuỗi từ nêu trên trở nên lỏng lẻo.

Theo Government and Binding (GB), lý thuyết về câu và cấu trúc ngữ pháp của ngữ đoạn được Noam Chomsky phát triển vào những năm 1980, câu được miêu tả như là một cấu trúc nhiều tầng lớp, và trong mỗi lớp đều tồn tại mối quan hệ giữa bộ phận (parts) và toàn thể (whole). Chẳng hạn, câu bao gồm mệnh đề, mệnh đề có chứa ngữ đoạn, và nếu phân tích ngữ đoạn thì đơn vị nhỏ nhất cấu thành nó

chính là từ. Trong mỗi quan hệ giữa bộ phận và toàn thể, theo quan điểm của Ngữ pháp phụ thuộc (Dependency Grammars), khởi đầu từ Tesnière (1959), vẫn có điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bộ phận này. Cụ thể là giữa phần chính/trung tâm và phần phụ thuộc mặc dù cùng chia sẻ những đặc trưng của toàn ngữ đoạn hoặc câu nhưng vẫn có điểm khác biệt giữa chúng. Chẳng hạn trong phạm vi ngữ đoạn danh từ hoặc động từ, sự hiện diện mang tính bắt buộc của danh từ hoặc động từ trung tâm là hết sức cần thiết, trong khi sự vắng mặt của phần phụ thuộc, trong một số trường hợp, có thể chấp nhận được. Nói cách khác, trung tâm đặc trưng hóa chức năng của toàn ngữ đoạn hoặc cho cả cấu trúc, và sự có mặt của nó không thể là điều tùy tiện. Mặt khác để đảm bảo tính chặt chẽ và toàn vẹn của cấu trúc, trung tâm cũng yêu cầu hoặc lựa chọn những phần phụ thuộc thích hợp, theo quan hệ hình tuyến nhất định. “Vì vậy, biết đặc điểm của trung tâm có thể suy ra được đặc điểm của toàn tổ hợp và ngược lại nếu biết được đặc điểm của toàn tổ hợp có thể suy ra được đặc điểm của trung tâm” (Nguyễn Tài Cẩn, 1981, tr.212). Quay trở lại với các câu (1-4), trên cơ sở lý thuyết vừa nêu, ta thấy có những vấn đề liên quan đến cách vận dụng chưa chính xác ngữ đoạn danh từ (câu 1, 2), và ngữ đoạn động từ (câu 3, 4).

2. Vấn đề với ngữ đoạn danh từ

Với câu (1) và câu (2) bên trên, tuy cả hai đều rơi vào trường hợp sai ngữ pháp do việc sắp xếp từ ngữ trái với trật tự tuyến tính trong danh ngữ. Nhưng trong câu trên (câu 1), nếu vấn đề tập trung vào việc đặt sai vị trí của trung tâm ngữ đoạn (thuận lợi) trong cấu trúc thì trong câu sau (câu 2), lỗi của người viết nằm ở chỗ chưa xác định được vị trí của các yếu tố phụ thuộc (không lồ, kinh tế). Như đã biết, trong cấu trúc danh ngữ, trung tâm luôn chiếm vị trí ở trước phần phụ thuộc và tính liên kề (adjacent) với trung tâm được coi là một trong những đặc trưng của yếu tố đóng vai trò là định ngữ của phần chính. Điều này sẽ đúng với câu (1), nếu vị trí của trung tâm (thuận lợi) và vị trí của định ngữ (thứ nhất) được hoán đổi cho nhau. Riêng trường hợp của câu còn lại, nếu danh ngữ chỉ gói gọn trong phạm vi của cấu trúc *danh từ trung tâm + định ngữ miêu tả* (tập đoàn khổng lồ), cả câu không rơi vào thể không đúng ngữ pháp. Nhưng với người học L2, việc mở rộng ngữ đoạn bằng cách viết thêm từ mà không chú ý đến

mối quan hệ trung tâm-phần phụ thuộc, trong trường hợp có hơn một yếu tố phụ thuộc (không lồ, kinh tế), đã vô tình làm hỏng cấu trúc. Điều này liên quan đến cái được gọi là mối quan hệ cú pháp về sự lựa chọn và mối quan hệ hình tuyến, được Lý thuyết Cơ sở về Ngữ pháp Chuyển giao (Standard Theory of Transformational Grammar) lưu ý. Trong mối quan hệ lựa chọn, trung tâm đảm nhiệm vai trò của cái/người lựa chọn (selector) và yếu tố phụ thuộc là đơn vị được trung tâm lựa chọn (selectee) sao cho tương thích và đảm bảo được đặc trưng âm vị, cú pháp và quan hệ tuyến tính trong cấu trúc. Do vậy trong câu đang bàn (câu 2), với sự hiện diện của hai yếu tố phụ thuộc trong cùng một cấu trúc, việc xác định yếu tố nào phụ thuộc trực tiếp vào danh từ chính và yếu tố nào là định tố của chính thể mới tạo lập là điều cần quan tâm. Một điểm nhấn trên cấu trúc bề mặt để có thể nhận diện mối quan hệ cú pháp giữa các yếu tố trong chính thể là vị trí liền kề ngay sau trung tâm của yếu tố phụ thuộc trực tiếp và vị trí không liền kề của yếu tố còn lại. Cụ thể là, sự hiện diện của yếu tố phụ (không lồ) được yêu cầu bởi danh từ trung tâm (tập đoàn) để tạo thành ngữ đoạn danh từ (tập đoàn không lồ). Trong trường hợp cấu trúc này được bổ sung thêm một yếu tố phụ thuộc khác, có vai trò như một định ngữ hạn định chẳng hạn, thì yếu tố phụ này (kinh tế) không được xem xét trong mối quan hệ trực tiếp với danh ngữ đứng liền trước. Lý do nằm ở chỗ, sự hiện diện của nó (kinh tế) đã phá vỡ quan hệ giữa danh từ trung tâm và yếu tố phụ thuộc trong ngữ đoạn đứng trước (tập đoàn không lồ), tạo ra mối quan hệ trực tiếp với danh từ trung tâm, và trở thành yếu tố phụ thuộc của trung tâm này theo mô hình *trung tâm (danh từ) + định ngữ hạn định* (tập đoàn kinh tế). Trong khi đó, vị trí của yếu tố phụ ban đầu sẽ bị đẩy lùi ra sau danh ngữ mới tạo lập, hình thành nên một ngữ đoạn danh từ khác, *trung tâm (danh ngữ) + định ngữ miêu tả* (tập đoàn kinh tế không lồ).

Mình họa cho phân tích vừa rồi, có thể bóc tách các lớp của danh ngữ đang bàn theo Cấu trúc Lớp (Layered Structure) của David Pesetsky (1995). Theo đó, giữa cái lựa chọn và cái được lựa chọn chỉ có một quan hệ duy nhất: cái được lựa chọn là chị em (sister) với cái lựa chọn. Hay nói khác đi, chỉ tồn tại mối quan hệ chị em duy nhất giữa danh từ/danh ngữ trung tâm với yếu tố phụ thuộc. Khi cấu thành nên một ngữ đoạn mới, đơn vị này hoàn toàn có khả năng lựa chọn hoặc yêu cầu thêm một định tố mới. Nhưng điều đó không có nghĩa là

(5)

```
graph TD; DN1[DN] --- LT[LT]; DN1 --- DN2[DN]; LT --- nhiều[nhiều]; DN2 --- DT[DT]; DN2 --- TT[TT]; DT --- tap_duan[tập đoàn]; TT --- khong_lo[không lồ];
```

LT DN TT

nhiều tập đoàn không lồ

(6) (a) Nhiều nước rơi vào **khủng hoảng** sâu kinh tế.
(b) Hôm nay em sẽ viết về **vấn đề an toàn giao thông nghiêm trọng** theo ý kiến của em.

105

nguyên nhân gây lỗi khi mở rộng danh ngữ không nằm ngoài việc chêm xen tính từ vào giữa danh ngữ (6a). Hoặc có sự gián đoạn trong quan hệ giữa tính từ, hoạt động trong cương vị là định ngữ của danh từ trung tâm, với đơn vị mà lẽ ra nó phải đứng liền kề (6b). Ngoài ra với trường hợp của (6a), tuy cũng mắc lỗi tương tự như câu (2) bên trên nhưng nếu tiến hành thao tác đẩy lùi tính từ (sâu) về phía sau danh ngữ trung tâm (khủng hoảng kinh tế), cấu trúc danh ngữ với sự có mặt của cháu gái (sâu) của cái lựa chọn (khủng hoảng) vẫn chưa đủ khả năng thay đổi giá trị của toàn cấu trúc (khủng hoảng kinh tế sâu). Điều này minh họa cho cơ sở lý thuyết đã nêu ở trên: trung tâm có khả năng lựa chọn hoặc yêu cầu yếu tố phụ thuộc nào đó, nhưng tính tương thích về ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa của cả chỉnh thể phải được đảm bảo. Do vậy (6a) sẽ trở nên đúng ngữ pháp nếu tính từ được chọn làm định ngữ miêu tả cho danh ngữ (khủng hoảng kinh tế) là những tính từ kiểu *sâu sắc, nặng nề, nghiêm trọng*, chẳng hạn. Trở lại với (6b), với người học, khi xây dựng ngữ đoạn gồm *danh từ trung tâm + danh ngữ-định ngữ hạn định* (vấn đề an toàn giao thông), nếu chỉ dừng lại ở tổ hợp này, vấn đề sai ngữ pháp không cần đặt ra. Tuy nhiên, lại một lần nữa, sự hiện diện của tính từ (nghiêm trọng), do bị gán cho vai trò là định ngữ miêu tả của danh ngữ đứng trước (vấn đề an toàn giao thông), đã gây lỗi cho cả danh ngữ, thậm chí cho cả câu. Để chữa câu này, có thể có hai đáp án như sau:

- (7) (a) Hôm nay em sẽ viết về một/những vấn đề nghiêm trọng trong an toàn giao thông, theo ý kiến của em.
 (b) Hôm nay em sẽ viết về vấn đề an toàn giao thông, một vấn đề nghiêm trọng, theo ý kiến của em.

Điểm tương đồng giữa hai câu (7a, b) bên trên là việc sắp xếp lại vị trí của yếu tố phụ thuộc (nghiêm trọng) đứng liền sau trung tâm (vấn đề). Hay nói khác đi, tính từ trong danh ngữ được in đậm trong (7a, 7b) chỉ có thể là cái được lựa chọn của một danh từ duy nhất (vấn đề) chứ không thể là yếu tố phụ cho cả một ngữ đoạn danh từ (vấn đề an toàn giao thông). Do vậy khác với trường hợp của câu (6a), khi đã xây dựng được một danh ngữ đúng, việc phát triển ngữ đoạn bằng cách ghép thêm định tố là tính từ, cũng cần có sự cẩn trọng. Phân tích từng cấu trúc danh ngữ trong (7a) và (7b), có lẽ sẽ tìm ra lời giải thích thỏa đáng cho vấn đề. Với (7a), sự hiện diện của những từ được gạch

dưới (một/những, trong) là có lý do. Trước hết, chúng hiện diện với chức năng đánh dấu hoặc xác định số lượng (một/những) sự tình được nêu (vấn đề nghiêm trọng). Thứ đến, chúng làm nhiệm vụ hạn định phạm vi vấn đề (an toàn giao thông). Riêng trường hợp của đáp án còn lại, (7b), nếu phạm vi vấn đề đã được hạn định (an toàn giao thông), nhưng một khi nhằm đến việc đặc tả tính chất của vấn đề (nghiêm trọng), thì việc lặp lại danh ngữ (vấn đề) cần có sự xác định rõ ràng (một vấn đề).

Đến đây có thể đi đến kết luận rằng, việc xây dựng ngữ đoạn danh từ và việc vận dụng ngữ đoạn vào trong câu cần có sự lưu ý về vị trí, chức năng và quan hệ giữa các thành tố. Với vai trò của cái lựa chọn, vị trí đứng trước được mặc định là vị trí của danh từ trung tâm, thành phần chính của ngữ đoạn. Vị trí liền kề với trung tâm cho thấy vai trò bổ sung ý nghĩa về lượng, về loại, tính chất miêu tả hoặc hạn định của yếu tố phụ. Do vậy, mọi sự xáo trộn vị trí giữa các yếu tố trong danh ngữ đều dẫn đến kết quả sai ngữ pháp. Một khi ngữ đoạn được mở rộng, với sự xuất hiện thêm của một yếu tố phụ khác có hai yêu cầu được đặt ra: 1) xác định lại vị trí của định tố, vốn đã từng chiếm vị trí liền kề trung tâm trong ngữ đoạn đã được xây dựng; 2) xem xét lại quan hệ trực tuyến giữa định tố và thành tố chính, một khi có sự hiện diện của yếu tố gây gián đoạn quan hệ liền kề. Tuy nhiên lưu ý vừa nêu không hẳn là sự khẳng định tính bất biến của quan hệ liền kề với trung tâm của yếu tố phụ thuộc trong phạm vi ngữ đoạn. Trong thực tế sử dụng tiếng Việt cũng như một số thứ tiếng khác, như tiếng Anh chẳng hạn, sự gián đoạn trong quan hệ liền kề với yếu tố chính không hề làm mất đi quan hệ lựa chọn giữa trung tâm và phần phụ thuộc. Điều này có thể minh họa thêm trong phần bàn về ngữ đoạn động từ tiếp theo đây.

3. Vấn đề với ngữ đoạn động từ

Quan sát câu (8) dưới đây:

(8) (a) Nam **mua cho** bạn cà phê.

(b) Nam **mua** cà phê **cho** bạn.

Từ cấu trúc bề mặt của những câu vừa nêu có thể nhận thấy sự khác biệt giữa các câu (a, b) nằm ở sự liên tục hoặc gián đoạn của

những từ in đậm trong ngữ đoạn động từ. Trả lời cho câu hỏi vì sao có sự gián đoạn hay liên tục về tuyến tính trong trường hợp đang bàn, có thể dựa trên cơ sở lý thuyết của Mark Baltin (dẫn theo Moravcsik 2006, tr.46-47]) về quan hệ lựa chọn, quan hệ tuyến tính và tính ràng buộc (binding). Theo Baltin, tính gián đoạn hay liên kết với trung tâm của yếu tố phụ trong cấu trúc động từ - trợ từ (particle) được chấp nhận như là đặc trưng của tổ hợp còn tùy thuộc vào việc xem xét hoặc phân tích cấu trúc ở góc độ nào. Xét theo quan hệ hình tuyến, tính liên kết giữa chính-phụ là điều bắt buộc. Xét ở góc độ của quan hệ lựa chọn hoặc tính ràng buộc, vị trí không liên kết với trung tâm ắt hẳn là có lý do. Và đương nhiên, lý do đó được chấp nhận là vì trật tự gián đoạn không làm ảnh hưởng đến chỉnh thể. Phân tích quan hệ cú pháp giữa các thành tố trong hai câu vừa nêu sẽ có thêm cơ sở để làm rõ điều này.

Trong (8a), vị trí liên kết ngay sau động từ (mua) của yếu tố phụ (cho) là một bằng chứng về quan hệ tuyến tính giữa trung tâm và thành phần phụ thuộc. Và khi chuỗi từ được hình thành theo một trật tự nhất định, với sự hiện diện của trợ từ (mà ở đây là giới từ), một lần nữa, chuỗi từ lại có khả năng lựa chọn thêm một thành phần phụ khác, bao gồm cả bổ tố trực tiếp (bạn) lẫn bổ tố gián tiếp (cà phê). Tuy vậy với (8b), trật tự liên kết giữa động từ-trợ từ, tưởng chừng như bất biến, lại có sự thay đổi. Trong ngữ đoạn động từ, vai trò của trung tâm (mua) vẫn không hề suy yếu. Nhưng đã có sự chuyển dịch vị trí của cái được lựa chọn (cho) về phía sau bổ tố trực tiếp (cà phê). Tuy vậy, so với trường hợp chuyển dịch vị trí của yếu tố phụ trong danh ngữ (như trên đã phân tích), quan hệ chị em giữa động từ-trợ từ vẫn không khác đi. Lý do nằm ở chỗ “trợ từ được lựa chọn bởi động từ chứ không phải từ nào khác trong câu” (Moravcsik 2006, tr.46]). Và cho dù giữa hai thành tố có xảy ra sự thiếu liên lạc trong quan hệ tuyến tính, điều đó không đồng nghĩa với việc quan hệ vốn có giữa chúng bị đứt đoạn. Khi chọn yếu tố phụ là danh từ (cà phê) đứng liên kết ngay sau trung tâm (mua), một ngữ đoạn mới được hình thành (mua cà phê). Giới từ (cho), thay vì chỉ có vai trò là em gái của động từ trung tâm (như trường hợp của 8a); do sự chuyển dịch vị trí đã trở thành em gái của một chỉnh thể được gọi là ngữ động từ (mua cà phê). Và đến lượt nó, giới từ hành chức như một cầu nối giữa thành phần chính (mua cà phê) với yếu tố phụ khác-đối tượng hưởng lợi (bạn).

Trở lại với cách vận dụng động ngữ của người học trong hai câu (3, 4) bên trên, ta có thể nói rằng điểm mấu chốt của vấn đề gây lỗi chỉ xoay quanh việc chuyển đổi vị trí hoặc gán ghép bỏ tổ thiếu tương thích cho động từ trung tâm.

Câu (3), (4) /lặp lại/

Tôi đã học tiếng Việt xong năm thứ nhất.

Nhiều người vi phạm đèn tín hiệu và luật giao thông.

Trong câu trên, động từ trung tâm (học) đảm nhiệm chức năng lựa chọn và chi phối toàn ngữ đoạn. Tuy nhiên, khi cấu trúc của ngữ đoạn không chỉ bao gồm hai thành tố, một chính-một phụ (học tiếng Việt); mà lại được mở rộng với một động từ biểu thị sự hoàn thành (xong), và một danh ngữ (năm thứ nhất) đi liền sau, thì vấn đề cần đặt ra là sắp xếp vị trí của các yếu tố phụ theo trật tự như thế nào để có thể đảm bảo được tính toàn vẹn của chuỗi. Với người học, việc sắp xếp vị trí của danh ngữ (tiếng Việt) đứng liền sau trung tâm là hoàn toàn hợp lý. Và ngay cả việc mở rộng động ngữ với động từ-bổ tố biểu thị sự hoàn thành, cũng chưa gây ra vấn đề (học tiếng Việt xong). Nhưng thao tác lắp ghép nếu cứ được tiến hành một cách máy móc, hết bỏ tố này đến bỏ tố khác, mà không chú ý đến mối quan hệ cú pháp giữa các yếu tố trong tổ hợp, tất sẽ dẫn đến việc phá hỏng cấu trúc. Như trên đã nói, với đặc quyền lựa chọn trợ từ, động từ trong tiếng Việt cũng có quyền ấn định vị trí của yếu tố phụ: chỉ đứng liền sau động từ (trường hợp của *nói chuyện với* chẳng hạn), hoặc vị trí sẽ thay đổi linh hoạt, ngay sau trung tâm hoặc bị sự hiện diện của danh từ/danh ngữ làm cho gián đoạn với thành phần chính của tổ hợp (trường hợp của *mua cho* hoặc *mua...cho...* trong 8a, b). Tuy nhiên việc tách rời trung tâm cũng phải tuân theo quy tắc. Trong (3) vị trí liền sau trung tâm là của yếu tố được động từ trung tâm yêu cầu, nhằm đánh dấu sự kết thúc một hoạt động (học xong); còn vị trí tiếp theo đó được dành cho danh ngữ-bổ tố chỉ đối tượng hành động (tiếng Việt). Tuy nhiên, quan hệ giữa yếu tố phụ này với động ngữ trung tâm cần được làm rõ do sự hiện diện của một danh ngữ khác (năm thứ nhất), chiếm vị trí ngay sau đó. Giải quyết vấn đề, có hai khả năng đặt ra: một là, tiếp tục duy trì quan hệ giữa yếu tố phụ ban đầu với trung tâm (học xong **tiếng Việt**), đồng thời xác định tư cách yếu tố phụ của danh ngữ mới được bổ sung thêm (năm thứ nhất); hai là, hoán đổi vị trí của hai danh ngữ

(học xong **năm thứ nhất tiếng Việt**). Điều đó cũng có nghĩa là chức năng của chúng cũng thay đổi, khi sự liên kết với trung tâm được xem là cơ sở để xác định danh ngữ nào là bộ tố của động ngữ trung tâm (học xong **tiếng Việt**), còn danh ngữ nào đóng vai yếu tố phụ của động ngữ mới tạo lập (học xong tiếng Việt **năm thứ nhất**). Không chỉ có thế, cấu trúc bị hỏng trong câu đang bàn có thể được sắp xếp lại với việc tách rời vị trí của giới từ ra khỏi động từ đã lựa chọn nó. Và khi đó người học có thể xây dựng một trong hai ngữ đoạn, kiểu: *học tiếng Việt năm thứ nhất xong* hoặc *học năm thứ nhất tiếng Việt xong*. Lời giải thích cho sự gián đoạn về tuyến tính giữa động từ và trợ từ là ở chỗ, với vị trí mới, yếu tố bị chi phối trở thành bộ tố của cả động ngữ đi trước (chứ không chỉ của động từ trung tâm), cho dù nó vẫn còn duy trì quan hệ lựa chọn với động từ. Đến đây có thể nói rằng quan hệ cú pháp giữa các yếu tố trong ngữ đoạn động từ cần có sự xác lập một cách tường minh. Đặc biệt, khi mối quan hệ lựa chọn giữa động từ trung tâm và trợ từ tuy không bị phá vỡ, nhưng sự gián đoạn về quan hệ hình tuyến giữa chúng có khả năng dẫn đến việc làm hỏng chính thể, do không xác định được vị trí có thể có của trợ từ.

Cũng liên quan đến việc xác định vị trí đi liền sau trung tâm của yếu tố phụ, ta cũng bắt gặp trường hợp đồng xuất hiện (co-occurrence) của hai bộ tố-yếu tố phụ của động từ trung tâm như trong câu (4) bên trên. Ở đây tuy không cần đến thao tác bóc tách từng lớp hoặc từng tầng trong cấu trúc động ngữ (như trường hợp câu 3 vừa rồi), nhưng một sự phân tích cú pháp, đồng thời với việc phân định chức năng của từng yếu tố là điều cần thiết. Trong câu, sự xuất hiện của liên từ (và) cho thấy nó hành chức với tư cách là chỉ tố đánh dấu sự đồng chức của hai bộ tố-danh ngữ (đền tín hiệu, luật giao thông) trong cấu trúc động ngữ. Tuy nhiên như trên đã phân tích, vai chi phối yếu tố phụ, thậm chí toàn ngữ đoạn thuộc về trung tâm. Trong câu đang bàn, vấn đề không phải là việc sắp xếp không chính xác vị trí của yếu tố phụ, mà là sự thiếu tương thích với trung tâm về mặt ngữ nghĩa. Với động từ *vi phạm*, những bộ tố được yêu cầu đi kèm với trung tâm chỉ có khả năng hình thành nên những tổ hợp như: *vi phạm pháp luật*, *vi phạm luật lệ giao thông*, *vi phạm hợp đồng*, *vi phạm nội quy*, v.v., chứ chưa thấy tổ hợp kiểu *vi phạm đền tín hiệu*. Một lần nữa, cái sai kiểu này cho thấy khi xây dựng ngữ đoạn, người học đã có nhầm lẫn khi gộp những từ được cho là cùng phạm trù vào cùng nhóm thành tố phụ,

dưới sự chi phối của cùng một trung tâm. Nhưng một khi yêu cầu của trung tâm không được thỏa, sự hiện diện của yếu tố được gán thêm (mặc dù đã được ấn vào vị trí liền kề ngay sau trung tâm), vẫn làm hỏng cấu trúc. Như vậy, một cấu trúc cú pháp được xem là đúng không chỉ thỏa yêu cầu về quan hệ hình tuyến mà còn phải đáp ứng được yêu cầu về quan hệ phụ thuộc lựa chọn giữa các thành tố. Chữa lỗi cho câu này, có thể xác lập lại quan hệ tuyến tính giữa trung tâm và yếu tố phụ; sắp xếp lại vị trí cần có của cái được trung tâm lựa chọn, theo đúng quan hệ tuyến tính vốn có của chúng (vi phạm luật giao thông). Ngoài ra, có thể bổ sung thêm động từ trung tâm khác (chẳng hạn như *bắt chấp*) cho danh ngữ (đèn tín hiệu), thay cho động từ (vi phạm), vốn không thể trở thành cái chi phối hay có quyền lựa chọn nó. Với thao tác như vậy, có khả năng tạo ra một câu bao gồm hai động ngữ với hai trung tâm khác nhau nhưng vẫn truyền tải được chủ ý của người viết: *Nhiều người vi phạm luật giao thông, bắt chấp đèn tín hiệu.*

Qua những phân tích vừa rồi có thể đi đến kết luận rằng trong cấu trúc động ngữ, ngoài việc phân định rõ trung tâm và chức năng của thành phần chính này cũng cần chú ý đến quan hệ tuyến tính và quan hệ lựa chọn. Trật tự hình tuyến giữa hai thành phần chính-phụ tuy đã có quy định rõ ràng về vị trí trước sau giữa chúng. Tuy nhiên, tính liên kết với trung tâm không hẳn là yêu cầu có tính chất bắt buộc đối với yếu tố phụ, đặc biệt trong trường hợp yếu tố phụ là giới từ. Khi đứng liền sau, phần phụ thuộc là chị em của yếu tố chính. Trong trường hợp bị gián đoạn với trung tâm, phần phụ thuộc tuy không còn trong quan hệ trực tuyến với cái đã lựa chọn nó nhưng lại trở thành chị em với ngữ đoạn động từ mới hình thành, do sự hiện diện của danh ngữ - bổ tố chỉ đối tượng hành động làm thay đổi vị trí liên kết của nó.

Tóm lại, khi xây dựng ngữ đoạn (danh ngữ, động ngữ), người học tiếng Việt cần ghi nhớ những quy tắc nhất định. Ngoài ra cũng cần chú ý đến quan hệ lựa chọn, quan hệ hình tuyến và tính ràng buộc giữa các yếu tố chính, phụ. Với cương vị chi phối và lựa chọn thành phần phụ thuộc để hình thành ngữ đoạn, trung tâm yêu cầu có sự tương thích nhất định về ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa với yếu tố được chọn. Về quan hệ tuyến tính, trong trường hợp danh ngữ bao gồm danh từ trung tâm và tính từ đóng vai định ngữ miêu tả, việc mở rộng

ngữ đoạn với định ngữ hạn định, cần đến thao tác sắp xếp vị trí và xác định lại quan hệ cú pháp giữa hai thành phần chính-phụ. Riêng với động ngữ, trong trường hợp nhất định, giới từ có thể bị đẩy lùi khỏi vị trí liền sau trung tâm, nhưng vẫn giữ được quan hệ lựa chọn thành tố có khả năng chi phối nó. Ngoài ra, việc hình thành tổ hợp thành tố phụ sau trung tâm nên được xem xét cả về quy tắc kết hợp, quan hệ cú pháp giữa các thành tố lẫn chức năng ngữ pháp của từng tổ hợp, tránh tình trạng gán ghép những yếu tố phụ thiếu tương thích cho trung tâm hoặc ngược lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cheryl A. Black (1999), *A Step-by-step introduction to GB*, <http://www.sil.org/americas/mexico/ling/E002-IntroGB.pdf> , [February 1999].
2. Cao Xuân Hạo (1999), *Tiếng Việt - Một vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*, NXB Giáo Dục.
3. David Pesetsky (1995), *Zero Syntax: Experiencers and Cascades*. Cambridge and London: The MIT Press.
4. Edith Moravcsik (2006), *An Introduction to Syntactic Theory*, London: Continuum.
5. Nguyễn Tài Cẩn (1981), *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ*, NXB ĐH&THCN
6. Nibert Horstein (1999), 'Movement and Control', *Linguistic Inquiry*, Volume 30, Number 1, Winter 1999, pp.69-96.

(Bài đã đăng trong *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2017)